

Số: /QHTL

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2020

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận

(Tuần từ 17/07 đến 23/07/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-(%))					Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Đà Nẵng		319,5	-17	-16	+38	-43	-38	12
2	Ái Nghĩa		57,0	-88	-87	-76	-90	-87	23
3	Giao Thủy		41,0	-88	-90	-88	-90	-89	17
4	Hiệp Đức		57,0	-88	-89	-76	-89	-89	25
5	Câu Lâu	9,0	492,0	-29	-53	-17	-4	-39	39
6	Tam Kỳ		90,0	-87	-93	-83	-86	-85	31
7	Hội Khách		282,9	-47	-45	-37	-63	-61	13
8	Trà My		75,0	-88	-86	-87	-88	-86	28
9	Thành Mỹ	83,1	624,6	-40	-56	-31	-51	-42	67
10	Nông Sơn	14,0	471,0	-37	-58	-31	-33	-20	32
11	Hội An		70,0	-80	-65	-69	-85	-81	11
Trung bình		9,6	234,5	-63	-67	-51	-66	-65	27

Nhận xét: Lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu đạt khoảng 234,5 mm. Dự báo trong tuần tới trong vùng sẽ có mưa, lượng mưa phổ biến từ 11 ÷ 67 mm.

1.2. Mực nước tại các trạm thủy văn

Bảng 1.2. Mực nước trung bình tại các trạm thủy văn trong tuần

TT	Trạm	H _{tb} (cm)	So sánh trung bình với các năm cùng kỳ (+/-(cm))						
			TBNN	Min	Max	2015	2016	2018	2019
1	Cẩm Lệ	+6	+20	+39	-28	+20	+29	-10	+7
2	Ái Nghĩa	+266	-15	+79	-216	-7	+5	+22	+20
3	Câu Lâu	+10	+16	+40	-45	+16	+18	-12	+3
4	Giao Thủy	+25	-88	-5	-224	-50	-81	-19	-8

Ghi chú: (-) giá trị thấp hơn, (+) giá trị cao hơn

Nhận xét: Mức nước trung bình trong tuần qua tại trạm thủy văn Ái Nghĩa là +266 cm, thấp hơn so với trung bình nhiều năm là 15 cm, cao hơn cùng kỳ năm 2019 là 20 cm. Tại trạm Giao Thủy là +25 cm, thấp hơn so với trung bình nhiều năm là 88 cm, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 là 8 cm.

1.3. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đông Nghệ*	17,17	15,87	35	30	-14,3	-31,6	-24,4	-7,1	12,8	Giảm
2	Hòa Trung	11,01	10,67	45	43	-16,2	9,7	-2,0	-32,0	-28,4	Giảm
3	Phú Ninh	344,00	273,70	37	21	-20,8	-32,5	-25,4	-25,1	-5,6	Giảm
4	Việt An*	22,95	20,12	34	25	-14,2	-20,8	-18,3	-13,9	-5,5	Giảm
5	Khe Tân	54,00	46,50	48	40	6,5	2,2	7,0	0,3	13,6	Giảm
6	Vĩnh Trinh*	20,74	18,34	41	33	-5,3	-9,9	-3,3	-6,0	1,7	Giảm
7	Thái xuân	12,03	11,38	32	28	-22,7	-33,5	-30,6	-30,2	-2,5	Giảm
8	Thạch Bàn	9,87	8,38	49	40	-8,3	-8,2	-20,5	-16,0	-4,1	Giảm
9	Đông Tiễn	7,69	6,88	22	13	-16,9	-15,7	-16,3	-17,7	-9,3	Giảm
10	Phước Hà	6,34	5,89	32	27	-15,6	-14,9	-19,9	-19,4	-0,7	Giảm
11	Hố Giang	5,05	4,82	31	28	-19,8	-16,7	-26,8	-25,6	-2,6	Giảm
12	Cao Ngạn	4,13	3,68	23	13	-25,1	-30,7	-27,1	-28,5	-17,7	Giảm
13	Phú Lộc	3,51	3,33	38	35	-14,7	-14,2	-20,2	-19,9	2,6	Giảm
14	An Long	2,04	1,84	52	47	8,7	52,4	-11,3	0,5	18,1	Giảm
15	Trung Lộc	1,96	1,75	43	36	-17,0	-22,5	-12,3	-23,5	-2,6	Giảm
16	Hương Mao	1,14	1,05	19	12	-39,5	-42,5	-78,5	-22,4	-17,1	Giảm
17	Cây Thông	0,99	0,94	16	12	-29,7	-21,1	-27,2	-34,3	-14,0	Giảm
18	Đá Vách	0,80	0,70	62	57	-8,9	62,1	-37,9	-29,1	-2,9	Giảm
19	Nước Rôn	0,58	0,46	66	57	14,5	22,8	15,9	45,2	-11,7	Giảm
	Tổng	526,00	436,31	38	26	-16,4	-24,9	-20,2	-20,4	-26,3	

Nhận xét: Tổng dung tích toàn bộ thiết kế của 19 công trình hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn vùng nghiên cứu là 526 triệu m³, hiện tại tổng dung tích các hồ đạt 38% so với dung tích toàn bộ thiết kế, 26% so với dung tích hữu ích thiết kế, thấp hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm là 16,4%, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 là 26,3%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 20,4%.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du

T	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-)					Dự báo xu thế nguồn nước	Qđền (m ³ /s)	Q xả (công/tràn) (m ³ /s)	Q chạy máy (m ³ /s)	MN hiện tại so với QTVH (m)
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBN	2015	2016	2018	2019					
1	A Vương	343,6	266,5	44,7	28,7	-5,5	10,3	-6,7	-0,7	-5,9	Giảm	24,3		43,2	+2
2	Sông Tranh 2	729,2	521,1	43,5	20,9	-1,3	6,8	-7,2	3,8	16,9	Giảm	25,2		88,4	-0,9
3	Đăk Mi 4	312,4	158,3	73,9	48,6	10,7	22,1	10,4	4,7	9,1	Giảm	20,5	9,0	22,1	+3,1
4	Sông Bung 4	510,8	234,0	68,1	30,3	8,7	9,4	4,3	7,0	9,2	Giảm	24,8		50,2	+0,9
5	Tổng	1.896,	1.179,	55,3	28,2	2,6	10,6	-16,8	4,0	9,4					

		0	9											
--	--	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nhận xét: Hiện tại, tổng dung tích toàn bộ trong các hồ đạt khoảng 55,3% so với dung tích toàn bộ thiết kế, đạt 28,2% dung tích hữu ích thiết kế, cao hơn so với trung bình nhiều năm khoảng 2,6%, cao hơn cùng kỳ năm 2019 khoảng 9,4% và cao hơn cùng kỳ năm 2018 là 4,0%. Các hồ A Vương, Đăk Mi 4, Sông Bung 4 mực nước tuân thủ theo quy trình vận hành 1865/2019/QĐ-TTg mực nước hiện tại các hồ cao hơn từ 0,9 ÷ 3,1 m so với mực nước quy định tại phụ lục III. Riêng hồ Sông Tranh 2 mực nước hiện tại đang thấp hơn 0,9 m so với quy định, cần vận hành hồ chứa đưa về mực nước theo quy định tại phụ lục III.

Vận hành các nhà máy thủy điện trong tuần từ 09/07 ÷ 16/07/2020:

+ Thủy điện A Vương: Lưu lượng đến trung bình đạt 24,3 m³/s, hồ phát điện không liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 43,2 m³/s.

+ Thủy điện Sông Bung 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 24,8 m³/s, hồ phát điện không liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 50,2 m³/s.

+ Thủy điện Đăk Mi 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 20,5 m³/s, hồ phát điện không liên tục với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 22,1 m³/s. Lưu lượng xả về hạ du sông Vu Gia từ 9 m³/s.

+ Thủy điện Sông Tranh 2: Lưu lượng đến trung bình đạt 25,2 m³/s, hồ phát điện liên tục, lưu lượng chạy máy trung bình đạt 88,4 m³/s.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Vụ Hè Thu năm 2020 đối với 38 hệ thống công trình thủy lợi bao gồm 19 hồ chứa, 5 hệ thống đập dâng và 14 hệ thống trạm bơm trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận, phục vụ cấp nước tưới cho khoảng 27.338 ha.

Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi, tổng nhu cầu nước cho vụ Hè Thu năm 2020 của 38 công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam còn khoảng 75 triệu m³. Các công trình, hệ thống công trình có nhu cầu nước lớn như: hệ thống tưới hồ Phú Ninh, Đồng Nghệ, Khe Tân, Vĩnh Trinh, Thái Xuân.

Đối với các công trình dung tích hữu ích còn lại rất thấp như hồ Đông Tiễn còn khoảng 13%, hồ Cây Thông còn khoảng 12% dung tích hữu ích thiết kế. Dự báo trong thời gian tới có mưa sẽ bổ sung lượng nước đáng kể cho hồ chứa và giảm nhu cầu nước tưới cho cây trồng. Tuy nhiên để đảm bảo cấp nước được an toàn cho sản xuất cần phải sử dụng nước thật tiết kiệm, hiệu quả phòng khi không có mưa xảy ra. Qua kết quả tính toán cân bằng nước các công trình trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và phụ cận cho thấy:

Có 38/38 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (tr.m3)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020				Khuyến cáo
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ so với TK (%)	
A	Các hồ chứa	201,17	19.364	26			21	
1	Đồng Nghệ*	6,04	830	30	100	830	24	Đủ nước
2	Hòa Trung	4,93	250	43	100	250	31	Đủ nước
3	Phú Ninh	128,52	11.892	21	100	11.892	20	Đủ nước

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (tr.m3)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020				Khuyến cáo
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ so với TK (%)	
4	Việt An*	7,86	891	25	100	891	23	Đủ nước
5	Khe Tân	25,89	1.534	40	100	1.534	14	Đủ nước
6	Vĩnh Trinh*	8,50	783	33	100	783	35	Đủ nước
7	Thái xuân	3,82	512	28	100	512	22	Đủ nước
8	Thạch Bàn	4,82	726	40	100	726	43	Đủ nước
9	Đông Tiễn	1,72	466	13	100	466	11	Đủ nước
10	Phước Hà	2,04	352	27	100	352	28	Đủ nước
11	Hồ Giang	1,59	282	28	100	282	30	Đủ nước
12	Cao Ngạn	0,93	220	13	100	220	13	Đủ nước
13	Phú Lộc	1,34	161	35	100	161	45	Đủ nước
14	An Long	1,07	127	47	100	127	40	Đủ nước
15	Trung Lộc	0,85	148	36	100	148	43	Đủ nước
16	Hương Mao	0,22	4	12	100	4	26	Đủ nước
17	Cây Thông	0,16	89	12	100	89	10	Đủ nước
18	Đá Vách	0,50	52	57	100	52	48	Đủ nước
19	Nước Rôn	0,38	45	57	100	45	49	Đủ nước
B	Các đập dâng		4.046			4.046		
1	An Trạch		1.282			1.282		Tạo nguồn
2	Hà Thanh		221			221		Tạo nguồn
3	Bàu Nít		132			132		Tạo nguồn
4	Thanh Quýt		701			701		Tạo nguồn
5	Duy Thành		1.710			1.710		Tạo nguồn
C	Các trạm bơm		Nhiệm vụ sản xuất (ha)	CTMN BH thiết kế (m)	CTMNBH hiện tại (m)	Diện tích đáp ứng (ha)	Ghi chú	
	Tổng cộng		3.928			3.928		
1	An Trạch	Thuộc HT An Trạch						Q,H đảm bảo lấy nước
2	Hà Châu		323	+0,60	+0,45	323		Q,H đảm bảo lấy nước, SD nước hồi quy
3	Cẩm Thanh		71	+0,00	0,00	71		Q,H đảm bảo lấy nước, SD nước hồi quy
4	Ái Nghĩa		357	+2,50	0,00	357		Q,H đảm bảo lấy nước
5	Đông Hồ 1		457	+1,65	+2,15	457		Q,H,p đảm bảo lấy nước
6	La Thọ		195	+2,40	+0,40	195		Q,H,p đảm bảo lấy nước
7	Tứ Câu		253	-0,55	+0,35	253		Q,H,p đảm bảo lấy nước
8	Cẩm Sa		118	+0,17	+0,45	118		Q,H,p đảm bảo lấy nước
9	Thanh Quýt		148	0,00	+2,40	148		Q,H,p đảm bảo lấy nước
10	Đông Quang 1		714	+1,88	+2,40	714		Q,H,p đảm bảo lấy nước
11	Vĩnh Điện		691	+0,13	+2,00	691		Q,H,p đảm bảo lấy nước
12	Cẩm Văn		601	+1,62	+2,30	601		Q,H,p đảm bảo lấy nước
13	Thái Sơn 1	Thuộc HT An Trạch		+1,49	0,00			Q,H,p đảm bảo lấy nước
14	Xuyên Đông	Thuộc HT Duy		+0,00	0,00			Q,H,p đảm bảo

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (tr.m3)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020				Khuyến cáo
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ so với TK (%)	
		Thành						lấy nước
	Tổng cộng		27.338			27.338		

Ghi chú: Q (lưu lượng); H (mức nước); ρ (độ mặn)

2.3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Kết quả tổng hợp lượng mưa từ đầu mùa mưa và lượng mưa dự báo, so sánh với các năm điển hình cùng thời đoạn được tổng hợp theo từng trạm tương ứng với phạm vi ảnh hưởng tại mỗi trạm trên địa bàn tỉnh được thể hiện như bảng sau:

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn tại các vùng

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Đà Nẵng	Đà Nẵng	332	+103	-20	-69	Hạn nhẹ
2	Ái Nghĩa	Ái Nghĩa	80	-55	-85	-93	Hạn vừa
3	Giao Thủy	Giao Thủy	58	-35	-85	-93	Hạn vừa
4	Hiệp Đức	Hiệp Đức	82	-43	-84	-91	Hạn vừa
5	Câu Lâu	Câu Lâu	531	+127	-28	-58	Hạn nhẹ
6	Tam Kỳ	Tam Kỳ	121	-68	-84	-92	Hạn vừa
7	Hội Khách	Hội Khách	296	+32	-48	-83	Hạn nhẹ
8	Trà My	Trà My	103	-71	-84	-91	Hạn vừa
9	Thành Mỹ	Thành Mỹ	692	+44	-36	-84	Hạn nhẹ
10	Nông Sơn	Nông Sơn	503	+11	-37	-63	Hạn nhẹ
11	Hội An	Hội An	81	+18	-79	-91	Hạn vừa
	Trung bình		261	+6	-61	-82	

Nhận xét: Lượng mưa cộng dồn trung bình tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu tính từ đầu mùa mưa đến nay: So với TBNN cùng kỳ tại trạm Đà Nẵng thấp hơn 20%, trạm Ái Nghĩa thấp hơn 85%, trạm Giao Thủy thấp hơn 85%, tại trạm Tam Kỳ thấp hơn 84%. Có khả năng xảy ra hạn nhẹ đến hạn vừa.

2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

Bảng 2.3. Bảng tổng hợp thông tin hạn hán lưu vực Vu Gia – Thu Bồn

Diện tích gieo trồng toàn vùng (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Màu	CNN				Cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
68.359	44.359	24.000					2.200		

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện nay 19 công trình hồ chứa nước vừa và lớn trong vùng còn 38% dung tích thiết kế. Nhiệm vụ sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 của 38 công trình cấp nước tưới cho 27.338 ha. Qua tính toán các công trình đảm bảo tưới cho diện tích gieo trồng theo kế hoạch tưới đề ra. Tuy nhiên vụ Hè Thu năm 2020 dự báo là năm khó khăn về nguồn nước, vì vậy các địa phương và các cơ quan liên quan cần chú ý:

Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi và địa phương các huyện, các tổ chức dùng nước cần quản lý chặt chẽ nguồn nước, đóng các cống, cửa van khi không có nhu cầu

nước phía hạ du. Tiết kiệm nước để đảm bảo nguồn nước cho sản xuất vụ Hè Thu được an toàn và hiệu quả.

Các cơ quan liên quan cần liên tục cập nhật thông tin thường xuyên về tình hình nguồn nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm để có nguồn nước cung cấp cho sản xuất vụ Hè Thu được đảm bảo.

Tập đoàn điện lực Việt Nam cần chỉ đạo các chủ hồ vận hành các hồ tuân thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác cấp nước và phòng chống hạn hán xâm nhập mặn vùng hạ du.

Đây là bản tin dựa trên dự báo mưa của TTDB KTTV Trung ương trước 2 tháng. Theo các nguồn dự báo toàn cầu khác, khả năng nguồn nước còn có thể thấp hơn. Cần theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa và nguồn nước trong giai đoạn tới.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 24/7/2020.